

## **GIÁO LÍ NHÂN QUẢ PHẬT GIÁO TRONG TRUYỆN CỦA HỒ ANH THÁI**

**Hoàng Kim Dương<sup>(1)</sup>**

*(1) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

*Ngày nhận bài 29/4/2025; Chấp nhận đăng 6/6/2025*

*Email liên hệ: thichquangngo1989@gmail.com*

### **Tóm tắt**

*Giáo lí Phật giáo là một yếu tố trong nhiều sáng tác của Hồ Anh Thái. Nó được vận dụng một cách tự nhiên, hợp lí góp phần mang lại thành công cho văn xuôi của ông. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung khảo sát một số truyện ngắn và tiểu thuyết tiêu biểu của nhà văn nhằm làm rõ cách tác giả xây dựng cốt truyện để chuyển tải giáo lí Nhân quả Phật giáo. Thông qua nghệ thuật xây dựng cốt truyện đa tuyến, phi tuyến tính, cốt truyện vòng tròn – luân hồi và cốt truyện với sự xuất hiện các yếu tố huyền bí, siêu linh, Hồ Anh Thái không chỉ phản ánh giáo lí nhân quả Phật giáo một cách tự nhiên và sâu sắc mà còn góp phần khẳng định vai trò của văn học như một phương tiện truyền tải triết lí nhân sinh đến với người đọc.*

**Từ khoá:** *cốt truyện, Hồ Anh Thái, nhân quả, Phật giáo, tiểu thuyết*

### **Abstract**

#### **THE BUDDHIST DOCTRINE OF CAUSE AND EFFECT IN THE WORKS OF WRITER HO ANH THAI**

*Buddhist Doctrine is a fundamental element in many of Ho Anh Thai's works. They are naturally and reasonably applied, contributing to the success of his prose. Within the scope of this article, we focus on examining some of the author's notable short stories and novels to clarify how he constructs plots to convey the Buddhist doctrine of karma. Through the art of constructing multi-linear, non-linear plots, circular-reincarnation plots, and plots featuring mystical and supernatural elements, Ho Anh Thai not only reflects the Buddhist doctrine of karma in a natural and profound way but also helps affirm the role of literature as a medium for conveying humanistic philosophy to readers.*

### **1. Đặt vấn đề**

Trong lịch sử văn hoá Việt Nam, giáo lí Phật giáo là một trong những hệ tư tưởng ăn sâu và có sự ảnh hưởng nhiều mặt đến đời sống văn hoá của người Việt. Trong đó, giáo lí<sup>(1)</sup> nhân quả Phật giáo đã hoà nhập với tư tưởng và triết lí dân gian để tạo nên một tư tưởng rất Phật giáo nhưng cũng rất Việt Nam.

Giáo lí nhân quả cho rằng, mỗi hành động của con người dù tốt hay xấu đều để lại những hệ quả tương ứng trong hiện tại hoặc tương lai. Nhận thức về quy luật nhân quả giúp con người hiểu cuộc sống hiện tại là kết quả của những hành động trong quá khứ, đồng thời khuyến khích mỗi người sống thiện lành, tránh xa điều ác và hướng đến sự giác ngộ. Điều này không xa lạ với tư tưởng và triết lí ở *hiền gặp lành, ác giả ác báo* của dân gian, cũng như chức năng hướng đến cái *chân, thiện, mỹ* của văn học.

Hồ Anh Thái là một trong những nhà văn tiêu biểu của văn học đương đại Việt Nam, văn xuôi của ông thành công trên nhiều phương diện. Trong đó nghệ thuật xây dựng nhân vật, tình huống truyện và cảm quan giáo lí Phật giáo là những vấn đề được bạn đọc tâm đắc, đón nhận. Trong nhiều tác phẩm của mình, Hồ Anh Thái đã khéo léo lồng ghép giáo lí nhân quả Phật giáo vào trong các tình huống, cốt truyện và số phận nhân vật, làm cho nội dung những tác phẩm của ông vừa gần gũi, vừa uyên bác, đã để lại dấu ấn mạnh mẽ trong lòng bạn đọc. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi giới hạn tìm hiểu các tác phẩm của ông như tiểu thuyết *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, *Cõi người rung chuông tận thế*, *Mười lẻ một đêm* và hai truyện ngắn *Tiếng thở dài qua rừng kim tước*, *Kiếp người đi qua*,... các tác phẩm không chỉ phản ánh giáo lí Nhân quả mà còn đặt ra những vấn đề triết lí sâu sắc về kiếp người: *sự sống và cái chết, thiện và ác, vô minh và giác ngộ*.

Mục tiêu của bài viết là làm rõ được nội hàm và các biểu hiện của giáo lí nhân quả của Phật giáo được Hồ Anh Thái vận dụng để xây dựng cốt truyện qua các biểu hiện như cốt truyện đa tuyến, phi tuyến tính, cốt truyện vòng tròn – luân hồi và cốt truyện với sự xuất hiện các yếu tố huyền bí, siêu linh, từ đó khẳng định thêm giá trị văn chương của tác phẩm, đồng thời khẳng định vai trò của văn học như một phương tiện để chuyển hoá giáo lí nhân quả Phật giáo vào đời sống văn hoá đương đại.

## 2. Cơ sở khoa học và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Khái quát về giáo lí nhân quả Phật giáo

Giáo lí nhân quả (Pāli: kamma-vipāka; Sanskrit: karma-phala) là một trong những học thuyết trung tâm của Phật giáo. Giáo lí cho rằng mọi hành vi thân, khẩu, ý của con người đều tạo ra một “nhân” nhất định và “nhân” đó sẽ sinh ra “quả” tương ứng khi đủ điều kiện. Vì vậy, khi chúng ta khởi niệm xấu hay có những hành động bất thiện đều tạo ra nhân xấu và nhân đó sẽ sinh ra quả khổ tương ứng. Ngược lại, nếu hành động với tâm thiện thì quả tốt đẹp sẽ đến. “Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ tâm tạo. Nếu nói hay hành động với tâm ác ý, khổ não sẽ theo sau như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe” (Kinh Pháp Cú, câu 1).

Giáo lí nhân quả Phật giáo không chỉ dừng ở mối quan hệ một chiều giữa hành động và hệ quả mà thể hiện một chuỗi tác động lẫn nhau, xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Như lời Phật dạy: “Muốn biết nhân đời trước hãy xem quả đời này; muốn biết quả đời sau hãy xem việc hiện tại”. Trong Kinh Bản Duyên (Jātaka), giáo lí nhân quả được Đức Phật nhắc đến không chỉ như một quy luật đạo đức mà còn là nguyên lí vận hành toàn thể thế giới hữu tình. Mọi chúng sinh đều là chủ nhân của nghiệp do mình tạo ra và phải thọ nhận quả tương ứng. Ví như, Đức Phật nói về các kiếp quá khứ để lí giải cho quả hiện tại (Bản Duyên, Bộ VIII, Kinh Tạp Bảo Tạng).

Nhân quả có hai dạng: dạng thứ nhất được gọi là nhân quả đồng thời (có thể hiểu là tức thì); dạng thứ hai biểu hiện ở mặt vật lí (gọi là ngoại giới) và biểu hiện ở mặt tâm lí (gọi là nội tâm). Tư tưởng nhân quả phổ biến trong văn hoá dân gian là “gieo nhân nào gặp quả đó”. Tuy vậy, giáo lí nhân quả có tính “biện chứng” hơn.

Nhân quả gắn với nghiệp. Trong những trường hợp nhất định, “nhân” được gọi là “nghiệp”. Theo cách hiểu này, một khi con người đã gieo nhân (nghiệp) thì chắc chắn sẽ gặp quả. Luân hồi có là do có nghiệp báo, có nhân quả. Nhân quả, luân hồi cứ thế như một bánh xe sinh tử, quay mãi, không tìm thấy điểm đầu, điểm kết thúc.

Vì quy luật nhân quả không chỉ tồn tại trong xã hội loài người mà tồn tại trong tự nhiên, vũ trụ, mang tính phổ quát cho mọi sự vật hiện tượng. Để thoát li vòng tròn nhân quả luân hồi, Phật giáo chủ trương khuyên con người dùng trí tuệ, ý chí và sự giác ngộ của bản thân để thoát li khỏi nghiệp. Cụ thể là thoát li, né tránh những hành động tham, sân, si, hướng đến việc sống thiện lành, hành thiện để chuyển hoá nghiệp và đạt đến giác ngộ.

## 2.2. Các nghiên cứu về giáo lý Phật giáo trong văn chương Hồ Anh Thái

Là một nhà văn khá tiêu biểu của văn học Việt Nam đương đại, tác phẩm của Hồ Anh Thái nhận được sự quan tâm của đông đảo bạn đọc và giới nghiên cứu. Nghiên cứu về văn chương Hồ Anh Thái được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau: từ đề tài, các bình diện thi pháp, tư tưởng hay ngôn ngữ, biểu tượng,... Dù chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về giáo lý Phật giáo trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái, song một số khía cạnh cơ bản như văn hoá Phật giáo, cấu trúc, cốt truyện, tình huống truyện, quan niệm nghệ thuật về con người,... đã được một số công trình đi trước đề cập. Có thể kể đến các công trình như: Nguyễn Xuân Bình (2018), trong bài nghiên cứu *Yếu tố hiện thực huyền ảo trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái* đã khẳng định: hiện thực trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái “cái ác hiện hình mọi lúc mọi nơi và nhiều trạng thái”; có “hiện thực nhếch nhác, lộn xộn, nhố nhăng của con người trong xã hội hiện đại”; có cả “hiện thực huyền ảo”. Về tình huống truyện, ông cho rằng, tác phẩm *Trong sương hồng hiện ra*, Hồ Anh Thái đã “vận dụng một hiện thực thật sự là tình huống bị điện giật và hôn mê của nhân vật Tân”... Không trực tiếp nói về giáo lý Nhân quả, song tác giả Trần Quang Hưng (2017) trong bài *Sự khác biệt của yếu tố liên văn bản trong sáng tác của Hồ Anh Thái và Haruki Murakami* đã khẳng định: “Ở Hồ Anh Thái nhân sinh quan Phật giáo đóng vai trò quan trọng. Dấu ấn của triết học Phật giáo in đậm trong văn Hồ Anh Thái, tạo thành một nguồn cảm hứng sáng tác dồi dào và chi phối khá nhiều tới văn phong”. Nguyễn Thị Thu Sương (2022) trong nghiên cứu *Sáng tác Hồ Anh Thái – từ góc nhìn văn hoá Phật giáo* cho rằng: “Tác phẩm của Hồ Anh Thái là những thế giới nghệ thuật được sáng tạo dưới hào quang của giáo lý nhà Phật”. Tác giả có những thông kê khá thuyết phục về các biểu hiện nhân sinh quan Phật giáo như: Thuyết duyên khởi (Tứ đế, ngũ uẩn, vô ngã, nghiệp, nhân quả,...); thuyết vô thường, vô ngã, từ bi, Phật tâm trong các tiểu thuyết của Hồ Anh Thái. Dù “hoi tham” trong phạm vi và đối tượng khảo sát, song bài nghiên cứu đã gọi cho chúng tôi nhiều điều để tham khảo.

Bùi Thanh Truyền, Lê Biên Thuý (2012) trong nghiên cứu *Những cách tân quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái*, cho rằng: “định luật nhân quả hệ luận của nó là nghiệp, nghiệp báo. Nghiệp (Karma) là hiện thực hoá của định luật nhân quả trong thế giới nhân sinh vũ trụ, là một định luật luân lý đạo đức, là hành động phát sinh từ tâm, từ hành uẩn hoặc tư tâm sở”. Trần Thị Thu, Nguyễn Thị Phương Thảo (2025) trong bài *Biểu tượng Phật giáo trong văn xuôi Hồ Anh Thái* đã có sự nhận diện những biểu tượng Phật giáo trong sáng tác của nhà văn và phân tích, giải mã những biểu tượng này thông qua hệ thống tri thức liên ngành. Các tác giả khẳng định: “Ẩn sau những biểu tượng ấy không chỉ là những triết thuyết, giáo lý nhà Phật, mà còn là tầng tầng lớp lớp các giá trị văn hoá bản địa và thế giới”,...

Nhìn chung, các nghiên cứu trên đã ít nhiều đề cập đến chất liệu văn hoá Phật giáo hoặc biểu hiện cơ bản của phương diện nhất định của Phật học trong sáng tác của Hồ Anh Thái. Bài viết của chúng tôi tập trung vào nội dung của giáo lý nhân quả trong một số sáng tác của nhà văn này.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về giáo lí nhân quả từ góc nhìn nghệ thuật xây dựng cốt truyện của Hồ Anh Thái, bài viết chọn cách tiếp cận theo hướng nghiên cứu các vấn đề lí luận về cốt truyện; nghiên cứu về giáo lí nhân quả trong học thuyết Phật giáo và khảo sát một số tiêu thuyết cơ bản của nhà văn, từ đó nhận diện các đặc điểm của nghệ thuật xây dựng cốt truyện có sử dụng giáo lí nhân quả nhằm chuyển những thông điệp về triết lí nhân sinh và khả năng phản ánh hiện thực xã hội của tác phẩm mà nhà văn xây dựng.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Cốt truyện đa tuyến thể hiện sự chiêm nghiệm về bánh xe luân hồi, vay – trả của kiếp người

Cốt truyện đa tuyến không chỉ đơn thuần là một thủ pháp nghệ thuật, mà còn là một phương tiện để Hồ Anh Thái thể hiện giáo lí nhân quả một cách sâu sắc hơn. Hồ Anh Thái cho thấy rằng những hành động của con người trong quá khứ sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống của họ trong hiện tại và thậm chí cả trong tương lai, thể hiện ý niệm về vòng xoay nhân quả – luân hồi trong giáo lí Phật giáo. Thủ pháp này cho phép tác phẩm mở rộng chiều kích triết lí, giúp người đọc chiêm nghiệm về sự vay – trả, báo – ứng của kiếp người. Các nhân vật, cũng từ đó phải gánh chịu những hậu quả do mình tạo nên. Ngoài ra, cấu trúc đa tuyến còn đóng vai trò tạo ra những cái nhìn đa chiều về các nhân vật và sự kiện, bằng cách khai thác các khía cạnh khác nhau của nhân vật. Từ đó, tác giả giúp người đọc hiểu rõ hơn về động cơ, hành động của họ, thấy được sự tác động của quy luật nhân quả lên cuộc đời mỗi con người.

Trong tác phẩm *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, tác giả đã lồng ghép đan xen câu chuyện về cuộc đời Đức Phật với câu chuyện hư cấu về nàng Savitri – một cựu Kumari (Nữ thần Đồng Trinh). Hồ Anh Thái xây dựng cấu trúc chương xen kẽ, chính sự đan xen quá khứ – hiện tại này tạo nên một mạch ngầm về nhân quả luân hồi: Savitri là hiện thân của một tiền kiếp từ thời Đức Phật và những hệ quả nghiệp báo đang theo cô qua kiếp người.

Một trong những chi tiết tiêu biểu thể hiện là chứng “bật cười” kì lạ của Savitri “Cười khanh khách. Cười lạnh lạnh. Cười mãi đến phát ho. Sặc sụa. Như ma cười” (Hồ Anh Thái, 2007) mỗi khi “tắt đèn” chuẩn bị bước vào cuộc giao hoan, tiếng cười cứ bật ra... cuộc giao hoan bất thành. Chi tiết này không chỉ để khắc họa tính cách nhân vật, mà còn ẩn chứa một án phạt nghiệp báo. Savitri hiện tại không bao giờ tận hưởng được ái ân trần tục, chính là cái quả mà cô đang gánh chịu. Nếu liên hệ với tiền kiếp của cô – nàng công chúa Savitri luôn khao khát và hầu như luôn thoả mãn với lạc thú thân xác – có thể nói, ở đây chúng ta đang chứng kiến kết quả vận hành của nghiệp, của quy luật nhân quả tương tục trên các kiếp của một chúng sinh chưa được giải thoát. Như vậy, dục vọng trong quá khứ đã tạo thành nghiệp chi phối hiện tại của Savitri, khiến cô trả giá bằng cuộc sống cô đơn, không tình yêu trọn vẹn ở kiếp này “không ai dám cưới một cựu Nữ Thần Đồng Trinh làm vợ... Gã đàn ông phạm vào thánh thể của nàng sẽ lăn quay ra, co giật, dúm dóm, sẽ phọt máu ra từ chín lỗ trên người mà chết” (Hồ Anh Thái, 2007).

Trong tác phẩm *Kiếp người đi qua*, tên cướp Ahimsaka, hay còn gọi là Anguli Mala, có nhiều vấn đề để người đọc suy tư, chiêm nghiệm. Một Ahimsaka đầy thù hận, là kẻ sát nhân khét tiếng ở Kosala chính là kết quả của những đố kị, sự vô tâm, thiếu khách quan và sự lạnh nhạt, ruồng rẫy của gia đình, bạn bè, người yêu,.. tất cả là nguyên nhân dẫn lối cho Ahimsaka làm đường lạc lối, ngày càng rời xa chánh đạo. Việc Ahimsaka

chặt ngón tay út của các nạn nhân và xâu thành chuỗi hạt, trở thành biểu tượng cho vòng xoáy nhân quả. Khi gặp lại con trai của một nạn nhân trước đây, hấn bắt đầu cảm thấy ân hận. Nhưng ác nghiệp đã gieo quá nhiều, khiến Ahimsaka không thể chỉ đơn giản chuộc lỗi bằng sự sám hối. Trong một lần đi khát thực, hấn bị nhận ra bởi người góa phụ từng mất người thân vì hấn. Đám đông giận dữ trút hận thù bằng gậy gộc, gạch đá. Dù ngồi trong tư thế tọa thiền, hấn vẫn không tránh khỏi sự trừng phạt tàn khốc. Cuối cùng, Ahimsaka bò về Thiền viện với thân thể đầy thương tích, phục xuống dưới chân Đức Phật. Giây phút cận kề cái chết, hấn mới thực sự thấu hiểu giáo lí nhân quả. Phật giáo nhấn mạnh rằng trong nhân có quả, trong quả có nhân – quá khứ và hiện tại đan xen, nối tiếp nhau như bánh xe luân chuyển. Câu chuyện về cuộc đời Ahimsaka chính là minh chứng rõ nét cho triết lí này.

Việc nhà văn miêu tả luân phiên các yếu tố tiền kiếp, hậu kiếp của nhân vật với các chi tiết đan cài; vừa logic vừa phi logic; sự hữu hạn, đứt gãy của không gian và thời gian,... làm cho tinh thần nhân quả luôn thường trực, bộc hiện, thấm đẫm trong mỗi hành động của nhân vật. Giáo lí nhân quả Phật giáo không chỉ cảnh báo hậu quả từ việc làm của con người; thức tỉnh lòng từ bi và xoá bỏ sân hận mà còn đề cao giá trị của con người; có khả năng làm thay đổi nghiệp của con người khi họ biết hướng thiện. Về điều này giáo lí Phật giáo đã viết:

“Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giải thị,  
Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị”.

*(Muốn biết nhân đời trước, thì nhìn vào kết quả thọ báo hiện tại; muốn biết kết quả thọ báo của đời sau, thì nhìn vào những tạo tác của hiện tại)* (Thích Chơn Thiện, 2009).

Cốt truyện phi tuyến tính, hành trình tìm kiếm sự giải thoát và các thử thách mà nhân vật phải đối mặt đều phản ánh rõ ràng quy luật nhân quả. Mỗi hành động, lời nói, suy nghĩ của nhân vật đều để lại hậu quả, không chỉ trong hiện tại mà còn ảnh hưởng đến tương lai. Tất cả, đều cho thấy những bài học sâu sắc về nghiệp lực, sự giác ngộ và quá trình chuộc lỗi – thể hiện rõ sự vận hành của giáo lí nhân quả trong tuyến truyện.

### **3.2. Cốt truyện nhiều tình tiết bất ngờ, gay cấn phản ánh quy luật nhân quả trong xã hội**

Ngoài việc đan cài các lớp thời gian, đề truyền tải giáo lí nhân quả vào tác phẩm, Hồ Anh Thái còn sử dụng các tình tiết bất ngờ, gay cấn, không những tạo nên những nút thắt cao trào trong tác phẩm mà còn là những khoảnh khắc nhân quả hiện hình.

#### **3.2.1. Bi kịch nhân quả trong “Cõi người rung chuông tận thế”**

Diễn hình như trong tác phẩm *Cõi người rung chuông tận thế*, câu chuyện bắt đầu bằng cái chết của Cốc, một thanh niên hư hỏng, đã kéo theo một loạt các sự kiện kì lạ và kể đến là hai cái chết khác của hai người bạn (Bóp và Phũ). Người đọc có thể nhận ra cả ba nhân vật đều có những biểu hiện lệch lạc về thú vui và sở thích: Cốc chìm đắm trong những cuộc vui tình dục của kẻ dư dả tiền bạc; Bóp lệch lạc hơn khi đi tìm niềm hoan lạc từ việc bóp cổ những con vật cho đến chết; Phũ đi tìm niềm vui trong bộ sưu tập đồ lót phụ nữ, những người đã qua đêm với hấn. Ba con người, ba nhân cách lệch lạc với những biểu hiện quái gở, đi ra khỏi phong nền chuẩn mực của đạo đức xã hội. Họ sống và “hưởng thụ” trong cái thế giới cô đơn, tăm tối có phần bí mật của chính mình. Tất cả như đang dự báo cho một cái kết đối lập về số phận của những nhân vật này. Nội dung câu chuyện cho thấy rõ ràng quy luật nhân quả, khi những hành động xấu xa, vì lòng tham, sân, si của các nhân vật ở trong quá khứ đã dẫn đến những hậu quả bi thảm trong hiện tại. Việc

sử dụng các tình tiết bất ngờ, gay cấn không chỉ làm tăng tính hấp dẫn của câu chuyện, mà còn là một phương tiện để Hồ Anh Thái thể hiện giáo lí nhân quả một cách sinh động và trực tiếp hơn. Bằng cách đặt các nhân vật vào những tình huống khó khăn, thử thách, tác giả khẳng định rằng không ai có thể trốn tránh được quy luật nhân quả, và mỗi hành động của chúng ta trong hiện tại đều sẽ gieo nhân tạo quả trong tương lai.

Nếu logic phát triển của các tình huống truyện dưới sự chi phối của quy luật nhân quả trở nên dễ đoán thì sức hấp dẫn của mạch truyện lại nằm ở những tình huống, biến cố đảo chiều được Hồ Anh Thái dày công xây dựng. Bốn nhân vật, Đông (tôi), Cốc, Bóp, Phũ với lối sống sa đọa, hiện thân cho cái ác đã được dự báo về một kết cục bi thảm. Trong khi Cốc, Bóp, Phũ đều lần lượt chết một cách “ngẫu nhiên”, người đọc đón đợi cái chết tương tự của Đông như một logic không thể khác, thì nhân vật lại thức nhận và bước vào hành trình tự nhận thức, hướng thiện. Đông đi tìm Mai Trùng để trả thù cho ba người bạn của mình nhưng đột nhiên lại đồng cảm với nỗi đau của kẻ mình muốn giết, từ đó hiểu thấu những giá trị của cuộc sống. Một sự thức tỉnh mang tính hoá giải trong hành trình diệt trừ cái ác để tìm về cái thiện. Hành động ném thuốc độc đi của Đông vừa có tính bất ngờ nhưng cũng là hành động phù hợp với logic, khởi đầu cho hành trình sám hối của nhân vật. Rõ ràng, trong cái hiện thực ngôn ngữ, tha hoá, thiện ác lẫn lộn ấy vẫn có chỗ cho cái thiện hồi sinh và tiếp diễn. Tính nhân văn của Phật giáo không chỉ là hướng thiện và còn cho thấy, cái ác vẫn có thể hoán cải; người ác hoàn toàn có thể từ bỏ, được giác ngộ để trở về với bản tính thiện lương.

### 3.2.2. Xã hội nhân quả trong “Mười lẻ một đêm”

Trong tác phẩm *Mười lẻ một đêm*, nhà văn tập trung và sự miêu tả không gian, dựng lên bối cảnh để nhân vật sắm vai một cách chân thực. Với câu chuyện qua lời kể của đôi tình nhân bị nhốt, các chi tiết của truyện thay đổi nhanh, bất ngờ; câu trúc kể chuyện biến hoá làm cho câu chuyện trở nên khách quan hơn. Người đọc có cảm giác như các chi tiết cứ va vào nhau, bắn tung toé một cách hỗn độn, rất hấp dẫn người đọc nhưng cũng làm cho cảm xúc của độc giả trộn lẫn vui buồn. Đúng như Bùi Thanh Truyền và cộng sự. (2012) đã khái quát: “*Mười lẻ một đêm* là chín mảnh vỡ chấp nối thành cuộc sống với nhiều đường vân dị hình, nhếch nhác, thể hiện tinh vi nỗi hoang mang, ngắc ngoải, đánh mất phương hướng, bản ngã của con người khi đứng trước xã hội lộn xộn bất an”. Nhà văn không trực tiếp luận giải về quy luật nhân quả, nhưng với những hiện thực đang trải qua của nhân vật, người đọc dễ dàng nhận ra đó chính là hệ quả của một lối sống/ hành vi từ trước mà nhân vật ắt phải trải qua, gánh chịu.

Xã hội trong *Mười lẻ một đêm* là xã hội của đảo lộn, bất thường. Những nhân vật như quan ông, quan bà, các Thứ trưởng, phu nhân Thứ trưởng, Bộ trưởng và chuyện mua danh bán tước, hối lộ, tham nhũng diễn ra một cách trắng trợn, được kể bình thường, hiển nhiên như chính mặt trái của xã hội. Một họa sĩ, nhà lí luận phê bình hội họa không có khả năng vẽ; giáo sư làm luận án ở Đức lại không biết tiếng Đức; trò tắm khoả thân ở phương Tây lại được “du nhập, tích hợp” với yoga để trở thành trào lưu mới,... tất cả trở nên bình thường, lạnh lùng dưới ngòi bút nhà văn. Điều đáng nói ở đây là những hành động, việc làm của các nhân vật này hoàn toàn trái ngược với bộ mặt, chức năng xã hội mà họ đang đảm nhiệm. Tính chất đa diện, phức tạp của nhân vật vừa phản ánh một cách sinh động hiện thực đời sống tha hoá của một bộ phận người trong xã hội, đồng thời có tính dự báo trong quan hệ nhân quả với số phận nhân vật. Không hẳn nhiên là logic đơn tuyến như truyện cổ tích, làm ác ắt phải chịu hậu quả, kiểu đa diện, đa tính cách của nhân vật làm cho tác phẩm sinh động, gần gũi hơn với hiện thực và quan trọng hơn là nó phản

chiều tâm lí con người trong từng hoàn cảnh cụ thể, qua một quá trình, trong đó có cả sự mâu thuẫn và thống nhất. Khi sự tham, sân, si lấn át và mang tính phổ biến trong nhân cách của một cá nhân thì những suy nghĩ, hành động tốt chợt đến không đủ để cân bằng và làm tan đi bóng tối của sự u mê, lạc lối. Nó như một chút ánh sáng loé lên rồi bị bóng tối nghiền nát và tan biến. Quá trình đó là con đường để nhân vật đi đến kết quả không thể khác được ngoài sự khổ đau. Đó là những kiểu người với đầy đủ “cung bậc đa sự – đa đoan của nó. Đó không phải là con người đơn trị, dễ hiểu mà là con người đa chiều, đa diện” (Bùi Thanh Truyền, Lê Biên Thủy, 2012). Đúng như giáo lí nhân quả đã nói: “Đời sống của con người không phải chỉ thuần khổ, thuần lạc, hay thuần phi khổ phi lạc, mà xen kẽ cả ba loại cảm thọ trên. Cũng vậy, các hành động của con người thường vẫn lẫn lộn giữa thiện ác và phi thiện ác, các quả báo vì thế cũng xen kẽ các nghiệp quả đã tạo tác” (Thích Chơn Thiện, 2009). Bằng tất cả sự đảo lộn giá trị, tha hoá về nhân phẩm, xã hội trong *Mười lẻ một đêm* là xã hội đã xuống cấp trầm trọng. Hiện thực đó dự báo cho một kết quả không thể khác của sự suy tàn, phải thay đổi. Một trật tự mới sẽ được hình thành, tốt đẹp hơn, nhân văn hơn.

### 3.2.3. *Nghệ thuật giới – tính – định kiến trong “Tiếng thở dài qua rừng kim tước”*

Trong tác phẩm *Tiếng thở dài qua rừng kim tước*, câu chuyện của Nilam – một cô gái xinh đẹp, nhưng mang số phận nghiệt ngã, chịu nhiều bi kịch cá nhân. Nilam sinh ra trong một gia đình nghèo khổ, bị cuốn vào những biến cố cuộc đời đầy ngang trái. Cô phải đối diện với sự bất công của xã hội và cả những tổn thương trong tình yêu.

Bối cảnh xã hội trong tác phẩm cho người đọc hình dung về một vùng quê Ấn Độ với những tập tục lạc hậu, trong đó định kiến về giới nổi lên như một vấn nạn nhức nhối. Ngay từ những dòng đầu tiên của tác phẩm, người đọc đã “hồi hộp, âu lo” cho số phận của một cô gái đẹp đến mức “làm cho lũ trai làng ngả nghiêng”. Tính dự báo của vấn đề đã được đặt ra. Những định kiến khắt khe trong xã hội đã đẩy cuộc đời Nilam vào ngõ tối không lối thoát. Việc cô sinh viên ngành Y đi xem phim Mỹ như một cuộc “vượt rào” bất thành và vi phạm điều cấm kỵ. Nilam trở về với số phận của một người phụ nữ trong định kiến trọng nam khinh nữ của xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ. Gia đình cô gần như vét sạch tài sản để làm của hồi môn cho cô đi lấy chồng (nhưng vẫn thiếu 10 ngàn rupi; cuộc hôn nhân phải thay chủ rể vào giờ cuối cũng mang đến nhiều dự báo bất trắc cho hành trình cuộc đời cô; và rồi cô sinh con, con gái. Vòng đời luẩn quẩn và bi kịch người phụ nữ trong vòng xoáy định kiến giới chính thức bắt đầu. Cô phải chịu cảnh bị mẹ chồng chỉ chiết là “đồ rẻ mạt” và “đốt cháy” vì sinh con gái. “Nilam loạng choạng bé con ra hành lang. Đời con gái là thế đấy, hoặc là bị nhà chồng đốt thành thân tàn ma dại, hoặc được khen ngoan vì biết kiếm tiền trong khu đèn đỏ nuôi gia đình (Hồ Anh Thái, 2022). Từ một cô gái xinh đẹp, Nilam trở thành một người đàn bà tàn phế, khổ đau. Bi kịch bị đẩy lên tột đỉnh khi cô sinh con thứ, con gái. Hành động giết con của Nilam không mang tính dã tâm của một kẻ sát nhân máu lạnh mà có gì đó nhận được sự cảm thông bởi sự bế tắc tột cùng của một con người không lối thoát. Mỗi đứa con gái được sinh ra trong xã hội đó hoặc là trở thành gái trong khu đèn đỏ hoặc là gánh nặng của gia đình vì khoản tiền hồi môn mà cuộc hôn nhân trong tương lai phải gánh chịu. Nilam không làm gái, nhưng bị kịch làm dâu trong sự định kiến, ruộng rẫy thì cô đã ném đủ. Cô không muốn con gái mình trở thành một trong hai thứ đó. Hành động cực đoan của Nilam đã mở đầu cho những thoả hiệp phi nhân tính của một cộng đồng người khi họ sẵn sàng bỏ đi những đứa trẻ gái mới chào đời mà Nilam là người tiếp tay cho điều ấy. Dưới mỗi góc hoa kim tước là một linh hồn bé bỏng, một trinh nữ mới chào đời... và nơi đó có một nắm mồ... không có cây kim tước, nắm mồ tự đào của Nilam.

Xã hội trong tác phẩm chòng chéo những nỗi đau, sự bất công mà con người gieo rắc cho nhau. Nilam phải đối mặt với những bất công, khổ đau nhưng đồng thời nàng phải học cách tha thứ và chấp nhận. Chi tiết người mẹ chòng phán xét con dâu bằng ngôn ngữ đầy định kiến phản ánh hệ quả của tâm lý phân biệt giới – một nguyên nhân xã hội dẫn đến quả báo khổ đau trong hệ hình nhân quả hiện đại mà Hồ Anh Thái phê phán. Qua tác phẩm, Hồ Anh Thái đã gửi gắm thông điệp *nhân quả* hiện hữu ngay trong đời sống hằng ngày: mỗi hành vi thắm đẫm định kiến hủ tục, bạo hành hôm nay sẽ tạo nên một tương lai tang tóc cho cá nhân, cộng đồng ngày mai.

### **3.3. Cốt truyện huyền bí hoá, tâm linh hoá thể hiện mối tương quan với quy luật nhân quả, hướng con người đến tính thiện**

Trong những sáng tác của mình, Hồ Anh Thái thường lồng ghép các yếu tố tâm linh, huyền bí trong tổ chức cốt truyện, tạo nên một không khí đặc biệt và tăng thêm sự hấp dẫn cho tác phẩm. Những yếu tố này cũng góp phần thể hiện quy luật nhân quả vì những hành động của con người không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại mà còn có thể tác động đến cả thế giới siêu nhiên.

Trong *Cõi người rung chuông tận thế*, Mai Trùng là một cô gái trẻ mang trong mình một sức mạnh đặc biệt, một lời nguyện “giọt máu ấy sẽ lớn lên đi trả thù cho cha nó”. Mai Trùng “sinh ra giữa chết chóc”. Dường như sự ra đời của cô là sự tái sinh, khởi đầu cho một cuộc kết thúc của bố và mẹ. Cô là hiện thân của công lí, trừng trị những kẻ ác. Hồ Anh Thái đã xây dựng nhân vật Mai Trùng mang trong mình sức mạnh bí ẩn nhuộm màu sắc huyền bí. Bất cứ ai có ý định xấu với cô đều phải chịu trừng phạt, thậm chí là cái chết. Nhà văn đang viết về không gian của *cõi người*, không gian *trần thế* nhưng lại nhuộm màu sắc tâm linh, hoang đường. Từ khi Mai Trùng vào làm công quả ở chùa Bảo Sơn, cô luôn mơ thấy những giấc mơ huyền bí, giống nhau. Nhân vật đã có sự giằng xé, day dứt khi cô như hiện thân của người trừng phạt, chuyên đi trừng phạt cái ác và khát vọng bình thường của một người con gái chỉ muốn được yêu thương, sống cuộc đời hạnh phúc. Không gian chùa Bảo Sơn, núi rừng Trường Sơn là một không gian lí tưởng cho nhà văn thể hiện những điều tâm linh, huyền bí. Thông qua giấc mơ, trong giấc mơ và niềm tin mãnh liệt, dường như đã có một cuộc giao tiếp, kết nối giữa cõi người và cõi tâm linh. Trong truyền thuyết dân gian Việt Nam, có rất nhiều nhân vật truyền thuyết mang trong mình sức mạnh huyền bí, khi được sinh ra đã phải mồ côi. Nhân vật lớn lên đều có một sứ mệnh nào đó để thực hiện. Và trong đời sống tâm linh của người Việt, luôn có một thế giới tâm linh tồn tại. Đó là thế giới bên kia, thế giới của ông bà tổ tiên vẫn luôn theo dõi, đồng hành cùng con cháu. Những lúc bế tắc, đau khổ hay cần một sự nương tựa về mặt tinh thần, con người vẫn thấp hươg cúng bái, cầu khẩn tổ tiên, ông bà phù hộ cho mình vượt qua nghịch cảnh. Đó là thế giới của niềm tin, tín ngưỡng, văn hoá Việt Nam. Cuộc “đối thoại” của cô với người cha đã khuát cùng những lời “giao tiếp” với mẹ, cầu xin cha mẹ được trở về làm một người con gái bình thường vừa gần gũi với đời sống văn hoá dân gian người Việt vừa nhuộm màu sắc Phật giáo.

Hồ Anh Thái đã dựng nên không gian tâm linh huyền bí. Sự hoà quyện không gian thực và không gian tâm linh làm cho người đọc vừa đón đợi vừa băn khoăn; vừa mới lạ vừa quen thuộc. Đó là không gian ẩn chứa niềm tin về khả năng đặc biệt của con người, về nơi năng lực siêu nhiên của con người được thể hiện. Và ngay cả trong những nỗi hoang mang, giằng xé; giữa hư và thực; giữa thiện và ác, tác giả vẫn hướng người đọc đến niềm tin vào sự hướng thiện của con người. Cuộc hành trình sám hối của nhân vật Đông cũng bắt đầu, sự thanh lọc tâm hồn khi bỏ ý định trả thù Mai Trùng mà tìm cô để sám hối với lòng hướng thiện: “Tôi đến để ăn năn. Tôi không còn dám nghĩ điều ác về Mai Trùng nữa”.

Tư tưởng nhân quả, quan niệm về bề khổ cuộc đời, về cái thiện và cái ác đã được Hồ Anh Thái khéo léo thể hiện một cách tự nhiên, sinh động trong tác phẩm. Niềm tin vào con người, tin vào sự hướng thiện, luật nhân quả hiện hữu, tư tưởng giải thoát, vòng luân hồi luân quần chính là những tư tưởng nhân văn cao đẹp của Phật giáo. Đúng như Nguyễn Xuân Bình (2018) nhận định: “Tác giả vận dụng đặc trưng trong tư tưởng của người Việt Nam, kết hợp với các yếu tố huyền ảo để vẽ nên một bức tranh hiện thực xã hội đầy rẫy những cái ác và cái thiện xoay quanh thuyết nhân quả”.

*Cõi người rung chuông tận thế* mượn cái kì ảo để khai phóng tâm linh. Tác phẩm như một hồi chuông ngân lên, cảnh báo về sự tồn tại và hoành hành của cái ác trong xã hội. Một khi con người bị cái ác lấn chiếm, tâm hồn bị cái ác thao túng thì cái thiện cũng dần mất đi, lúc đó ngày tận thế của cõi người cũng bắt đầu.

Nghệ thuật xây dựng cốt truyện của Hồ Anh Thái trong việc thể hiện giáo lí nhân quả Phật giáo là một sự kết hợp độc đáo giữa yếu tố trinh thám, tâm linh và triết lí. Ông đã khéo léo sử dụng các kĩ thuật như cấu trúc đa tuyến, tình tiết bất ngờ, nhân vật phức tạp và yếu tố huyền bí để tạo nên những câu chuyện sâu sắc, hấp dẫn và đầy ý nghĩa. Những tác phẩm của nhà văn không chỉ là những câu chuyện phản ánh thực tại đời sống sinh động mà còn là những bài học quý giá về cuộc đời, đạo đức và nhân quả.

#### 4. Kết luận

Hồ Anh Thái là một trong số ít nhà văn đương đại vận dụng sâu sắc giáo lí Phật giáo để kiến tạo nên những kết cấu truyện vừa hiện đại vừa mang chiều sâu triết lí. Giáo lí nhân quả – một trong những trụ cột của hệ thống giáo lí Phật giáo được Hồ Anh Thái thể hiện rõ nét qua các thủ pháp xây dựng cốt truyện như cấu trúc đa tuyến, phi tuyến tính, đan cài không gian – thời gian linh hoạt, kết hợp yếu tố huyền bí và tâm linh.

Các tác phẩm của ông không đơn thuần là câu chuyện kể về số phận con người, mà là hành trình chiêm nghiệm – va đập – trả giá – chuộc lỗi và giác ngộ trong dòng vận hành của nghiệp lực. Ở đó, giáo lí nhân quả không xuất hiện như một lời giảng dạy trực tiếp, mà được thể hiện thông qua các bước ngoặt, các xung đột nội tâm và sự chuyển hoá của nhân vật. Chúng ta có thể nhận thấy rằng giáo lí nhân quả không phải là một khái niệm trừu tượng mà là quy luật đang âm thầm, bèn bỉ vận hành, giám sát cuộc sống của mỗi người. Những gì chúng ta làm hôm nay sẽ quyết định tương lai của chúng ta sau này. Và chỉ khi hiểu rõ về quy luật này, con người mới có thể sống một đời sống có ý nghĩa, hướng tới sự giải thoát và tự do trong tâm hồn.

Nghiên cứu giáo lí nhân quả trong cốt truyện của Hồ Anh Thái không chỉ đóng góp thêm một góc nhìn về vai trò của giáo lí nhân quả Phật giáo trong văn học đương đại mà còn gợi mở những tiếp cận mới về mối quan hệ giữa văn học và Phật giáo trong việc giải thích các hiện tượng xã hội và con người. Trên tinh thần đó, bài viết này cũng góp phần khẳng định giá trị của văn học như một phương tiện phản ánh và truyền tải triết lí sống, giúp người đọc hiểu rõ hơn về bản chất của đời sống và cách thức để vượt qua những thử thách trong hành trình tinh thức của bản thân.

#### Chú thích:

(1) *Nhân quả là học thuyết, một phạm trù cơ bản; hệ tư tưởng, triết lí là của Phật giáo. Khái niệm triết lí khá rộng, có nhiều cách hiểu, có mối quan hệ với khái niệm triết học (triết lí là lí luận triết học; là những quan niệm của con người về nhân sinh, xã hội,...). Giáo lí được hiểu là hệ thống lí luận, học thuyết của một tôn giáo. Với một tôn giáo có mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa đạo và đời như Phật giáo, giáo lí về mặt nào đó còn được hiểu như những kinh nghiệm, mối quan hệ ứng xử giữa con người với con người. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm giáo lí nhân quả với những ý nghĩa này.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thanh Truyền, Lê Biên Thuý (2012). Hồ Anh Thái và dấu ấn hậu hiện đại. *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, 335(5).
- [2] Hồ Anh Thái (2002). *Cõi người rung chuông tận thế*. NXB Văn học.
- [3] Hồ Anh Thái (2007). *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*. NXB Trẻ.
- [4] Hồ Anh Thái (2013). *Mười lẻ một đêm*. NXB Trẻ.
- [5] Hồ Anh Thái (2018). *Kiếp người đi qua*. NXB Hội Nhà văn.
- [6] Hồ Anh Thái (2022). *Tiếng thở dài qua rừng kim tước*. NXB Phụ nữ Việt Nam.
- [7] Nguyễn Thị Thu Sương (2022). Sáng tác Hồ Anh Thái – từ góc nhìn văn hoá Phật giáo. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*, 1(61).
- [8] Nguyễn Xuân Bình (2018). Yếu tố hiện thực huyền ảo trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái. *Tạp chí khoa học và công nghệ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*, 12(3).
- [9] Thích Chơn Thiện (2009). *Phật học Khái luận*. NXB Phương Đông.
- [10] Trần Quang Hưng (2017). Sự khác biệt của yếu tố liên văn bản trong sáng tác của Hồ Anh Thái và Haruki Murakami. <https://daihoctantrao.edu.vn/khoa-hoc-cong-nghe/su-khac-biet-cua-yeu-to-lien-van-ban-trong-sang-tac-cua-ho-anh-thai-va-haruki-murakami-1079.html>, ngày truy cập 20/4/2025.
- [11] Trần Thị Thu, Nguyễn Thị Phương Thảo (2025). Biểu tượng Phật giáo trong văn xuôi Hồ Anh Thái. *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, 596(2).
- [12] Trương Thị Kim Anh (2017). Yếu tố tâm linh trong *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái. *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*, 24(49).